

Số: /2020/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**Dự thảo lần 2
6/02/2020**

**THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (gọi tắt là Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT

1. Bổ sung khoản 7 Điều 3. Giải thích thuật ngữ

“7. Nhật ký khai thác, Nhật ký thu mua, chuyển tải, Báo cáo khai thác điện tử: là loại thiết bị điện tử được tích hợp chức năng ghi, lưu trữ, chia sẻ thông tin liên quan đến quá trình khai thác, thu mua, chuyển tải sản phẩm thủy sản khai thác tự nhiên, được cơ quan chức năng công bố phù hợp với cơ sở dữ liệu chung”.

2. Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“1. Thuyền trưởng tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên hàng ngày ghi nhật ký khai thác thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này hoặc cập nhật thông tin khai thác vào Nhật ký khai thác điện tử; nộp nhật ký khai thác thủy sản cho tổ chức quản lý cảng cá trước thời điểm bốc dỡ thủy sản qua cảng”.

3. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi như sau:

“1. Thuyền trưởng tàu thu mua, chuyển tải thủy sản hàng ngày ghi nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo

Thông tư này; nộp nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản, bản sao Nhật ký khai thác của tàu khai thác gắn với sản phẩm được thu mua chuyển tải (sao chép hoặc sao chụp nếu là Nhật ký khai thác là bản giấy hoặc file copy nếu là Nhật ký khai thác điện tử) cho tổ chức quản lý cảng cá **trước thời điểm** bốc dỡ thủy sản qua cảng”.

4. Điều 6 được sửa đổi như sau:

“ Bỏ khoản 1 Điều này”

5. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi như sau:

“2. Cơ quan thẩm quyền thực hiện kiểm tra, xác nhận cam kết hoặc chứng nhận sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu theo các nội dung sau:

a) Đối chiếu thông tin về tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản và các thông tin khác (quốc gia có tàu mang cờ, khối lượng, chủng loại thủy sản) trong Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác do cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho lô nguyên liệu nhập khẩu vào Việt Nam với các thông tin sau:

Danh sách tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu, Tổng vụ các vấn đề về biển Liên minh Châu Âu - DG-MARE (https://ec.europa.eu/fisheries/cfp/illegal_fishing_en), các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực (RFMOs) như: International Commission for the Conservation of Atlantic Tunas - ICCAT (<http://www.iccat.int/en/>); Indian Ocean Tuna Commission - IOTC (<http://www.iotc.org/node/>); Western and Central Pacific Fisheries Commission – WCPFC (<https://www.wcpfc.int/>); Inter-American Tropical Tuna Commission – IATTC (<http://www.iattc.org/>); Commission for the Conservation of Southern Bluefin Tuna – CCSBT (<https://www.ccsbt.org/>) và Danh sách tổng hợp tàu cá IUU (Combined IUU Fishing Vessel List: <https://www.iuu-vessels.org/>) của Tổ chức phi chính phủ của Navy Trygg Mat Tracking (TMT);

Danh sách tàu cá có đăng ký và được cấp phép khai thác thủy sản (bao gồm thông tin về: Loài thủy sản, khu vực, mùa vụ khai thác) của tổ chức quản lý nghề cá khu vực (RFMOs) được cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận (đối với quốc gia có tàu cá mang cờ là thành viên của tổ chức này);

b) Đối chiếu về khối lượng, chủng loại nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu với thông tin về lô hàng nhập khẩu được Cơ quan Thú y kiểm tra, chứng nhận kiểm dịch khi nhập khẩu vào Việt Nam;

c) Đối chiếu về khối lượng, chủng loại nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu với hồ sơ thống kê xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu và hồ sơ giám sát trong quá trình kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm lô hàng thủy sản khai thác xuất khẩu;

d) Đối chiếu các quy định khác của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu, Giấy chứng nhận, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu hoặc theo yêu cầu của tổ chức nghề cá khu vực.”

6. Khoản 1 Điều 18 được sửa như sau:

"1. In, ghi và nộp Nhật ký, Báo cáo khai thác thủy sản theo quy định (đối với bản ghi là bản giấy) hoặc cập nhật dữ liệu vào Nhật ký khai thác điện tử, chuyển dữ liệu nhật ký khai thác sang cơ sở dữ liệu Nhật ký khai thác tại cảng cá.”

7. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Lưu trữ hồ sơ xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được xác nhận, chứng nhận. Trong quá trình theo dõi truy tìm nguồn nguyên liệu khai thác, khi khối lượng lô nguyên liệu bằng 0 (không) hoặc tổ chức, cá nhân chuyển mục đích sử dụng phần nguyên liệu còn lại (không sử dụng để chế biến, xuất khẩu), tổ chức, cá nhân cần thông báo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác có liên quan để cập nhật, theo dõi, giám sát.”

8. “Thay mẫu số 02 Phụ lục số II bằng mẫu số 2 Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư này”;

9. “Bổ sung khoản 12, mục I. Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác phần Hướng dẫn cách ghi thông tin trong biểu mẫu của Phụ lục III “12. Mục ghi chú: Nếu giấy xác nhận sản phẩm của tàu thu mua thì ở mục ghi chú này sẽ ghi đầy đủ thông tin của tàu thu mua như mục thông tin tàu cá. Ở phần mục thông tin tàu cá và phần mô tả sản phẩm ghi đầy đủ thông tin của tàu khai thác được thu mua”;

10. “Thay mẫu số 2, mẫu số 4 Phụ lục số III bằng mẫu số 2, mẫu số 4 Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư này”;

11. Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2020

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ NN&PTNT;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

- Cổng thông tin điện tử Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS (200 bản).

Phùng Đức Tiến

Phụ lục I

BIỂU MẪU NHẬT KÝ THU MUA, CHUYỂN TẢI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BNNPTNT ngày tháng năm
2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu số 01: Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản.

MẪU NHẬT KÝ THU MUA, CHUYỂN TẢI THỦY SẢN

Trang bìa

TỔNG CỤC THỦY SẢN

NHẬT KÝ THU MUA, CHUYỂN TẢI THỦY SẢN
(DÙNG CHO TÀU THU MUA/CHUYỂN TẢI THỦY SẢN)

1. Họ và tên chủ tàu: 2. Họ và tên thuyền trưởng:
3. Số đăng ký tàu:; 4. Chiều dài lớn nhất của tàu: m; 5. Tổng công suất máy chính: CV
6. Số Giấy phép khai thác thủy sản:; Thời hạn đến:

Chuyến biển số:.....
(Ghi chuyến biển thứ mấy trong năm)

7. Cảng đi:; Thời gian đi: Ngày Tháng năm
8. Cảng về:; Thời gian cập: Ngày tháng năm
9. Nộp Nhật ký: Ngày tháng năm Vào Sổ số:

A. KẾT QUẢ THU MUA/CHUYỂN TẢI CỦA CHUYỂN BIỂN

TT	Số đăng ký tàu được thu mua/chuyển tải	Thời gian thu mua/chuyển tải (Ngày, tháng, năm)	Vị trí thu mua/chuyển tải		Khối lượng thu mua/chuyển tải theo loài (kg)				Tổng Khối lượng thủy sản (kg)	Khai thác từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm (theo Nhật ký khai thác)	Chữ ký thuyền trưởng tàu được thu mua/chuyển tải
			Vĩ độ	Kinh độ	Loài	Loài	Loài	Loài			
			Tổng								

Ngày tháng năm

Thuyền trưởng tàu thu mua chuyển tải
(ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục III

BIỂU MẪU XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC; CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC; CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU CÓ NGUỒN GỐC TỪ THỦY SẢN KHAI THÁC; XÁC NHẬN CAM KẾT SẢN PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU CÓ NGUỒN GỐC TỪ THỦY SẢN KHAI THÁC NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 02: Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC



MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

DIRECTORATE OF FISHERIES

TỔNG CỤC THỦY SẢN

CATCH CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC

Document number Số chứng nhận.....

1. Authority's name Tên cơ quan thẩm quyền

Address Địa chỉ

Tel

.....

.....

Fax

2. Information of Fishing vessel is indicated on the Appendix 3a Thông tin về tàu cá khai thác chi tiết xem Phụ đính 3a kèm theo

3. Description of Products Mô tả sản phẩm

Type of processing authorized on board (if available)

.....

Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép (nếu có)

.....

Species Loài	Product code Mã sản phẩm	Catch area(s) and dates Vùng và thời gian khai thác	Estimated live weight Khối lượng nguyên liệu ước tính của lô hàng(kg)	Estimated weight to be landed Khối lượng lên bển ước tính của tàu cá (nếu có)(kg)	Verified weight landed Khối lượng nguyên liệu đã được xác nhận (kg)

4. References of applicable conservation and management measures Tham chiếu các quy định về quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Lô hàng đã sử dụng nguyên liệu khai thác từ các tàu cá của Việt Nam tại thời điểm hoạt động đã được đăng ký và có Giấy phép khai thác hợp lệ theo quy định của Luật thủy sản 2017 và các quy định liên quan, tuân thủ theo các biện pháp quản lý và bảo tồn do Việt Nam thực hiện được quốc tế công nhận

The fish from which this consignment is derived were catch by Vietnamese vessels which, at the time of harvesting, were registered and operating under the authority of a valid fishing licence and under jurisdiction of Vietnam's Fisheries Law of 2017 and associated regulatory instruments, or internationally agreed and conservation management measures implemented in Viet Nam

5. Name of master of fishing vessel – Signature – seal Tên thuyền trưởng tàu cá – Chữ ký – dấu

6. Declaration of transshipment at sea

Khai báo chuyển tải trên biển

Không

Có

(Information details is indicated on the logbook of receiving vessel, if request)

Thông tin chi tiết xem nhật ký thu mua/chuyển tải gửi kèm khi có yêu cầu)

Name of master of fishing vessel (Tên thuyền trưởng tàu khai thác)			Signature and date Chữ ký và ngày		Transshipment area/position Khu vực/vị trí chuyển tải		Estimated weight Khối lượng ước tính (kg)			
Master of receiving vessel/representative Tên thuyền trưởng tàu nhận/ Người đại diện		Signature Chữ ký		Vessel name Tên tàu		Call sign Hô hiệu		IMO/ Lloyd's number (if issued) Số IMO, Lloyd's (nếu có)		
7. Transshipment authorization within a Port area Xác nhận chuyển hàng tại cảng										
Name Tên	Port authority Cơ quan quản lý cảng		Signature Chữ ký		Address Địa chỉ:		Tel Điện thoại	Port of landing Cảng lên cá	Date of landing Ngày lên cá	Seal (stamp) Dấu
8. Name and address of exporter Tên đơn vị xuất khẩu					Signature Chữ ký		Date Ngày		Seal Dấu	

9. Flag state authority validation Chứng nhận của Cơ quan thẩm quyền nước treo cờ				
Full name Họ và tên	Signature Chữ ký:	Date Ngày	Seal Dấu	
Title Chức vụ				
10. Transport details, see Appendix 3b attached Thông tin vận tải, xem Phụ đính 3b kèm theo				
11. Importer declaration Khai báo của đơn vị nhập khẩu				
Name of importer Tên đơn vị nhập khẩu	Signature Chữ ký	Date Ngày	Seal Dấu	Product CN code Mã CN sản phẩm
Address Địa chỉ				
As regulated by the imported authorities: Theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu:	Reference Tài liệu tham chiếu			
12. Import control - authority Cơ quan thẩm quyền kiểm soát nhập khẩu	Place Địa điểm	Importation authorized Cho phép nhập khẩu	Importation suspended Chưa cho phép nhập khẩu	Verification requested – date Yêu cầu kiểm tra – ngày
Customs declaration, if issued Khai báo hải quan, Nếu có	Number Số		Date Ngày	Place Địa điểm:

Mẫu số 4 (Phụ lục III/Annex III)
XÁC NHẬN CAM KẾT SẢN PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU CÓ NGUỐC
GỐC TỪ THỦY SẢN KHAI THÁC NHẬP KHẨU
STATEMENT OF EXPORT FISHERY PRODUCTS PROCESSED FROM
IMPORTED CATCHES

(Ban hành kèm theo Thông tư số: .../2019/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tôi đảm bảo rằng các sản phẩm thủy sản:.....(tên và mã sản phẩm) được chế biến từ thủy sản đánh bắt hợp pháp sau:

I confirm that the processed fishery products:..... (product description and Combined Nomenclature code) have been obtained from catches imported under the following catch certificate(s):

Số chứng nhận thủy sản khai thác Catch certificate number	Tên tàu Name of Fishing vessel	Quốc gia treo cờ Flag state	Ngày thông qua Validation date(s)	Mô tả thủy sản khai thác Catch description	Tổng khối lượng thủy sản khai thác Total landed weight (kg)	Khối lượng thủy sản khai thác đưa vào chế biến Catches processed (kg)	Sản phẩm sau khi chế biến xuất khẩu (¹) Processed fishery products and exported (kg)

Tên và địa chỉ của cơ sở chế biến/Name and address of the processing plant:

Tên và địa chỉ của nhà xuất khẩu (nếu khác với nhà máy chế biến)/ Name and address of the exporter (if different from the processing plant):

Mã số cơ sở chế biến/Approval number of the processing plant:

⁽¹⁾ Đối với sản phẩm có thành phần bao gồm: thủy sản khai thác và các thành phần khác (VD: đồ hộp thủy sản có kèm nước sốt, thủy sản phối chế - Seafood mix, ...), tại cột này phải khai báo khối lượng tịnh của sản phẩm (Net weight) và khối lượng của thành phần là thủy sản khai thác trong sản phẩm (Drain weight), ghi cụ thể: Net weight: ... kg (Drain weight: ... kg)

Số giấy Chứng nhận CL, VSATTP (Chứng thư vệ sinh) và ngày cấp/Health certificate number and date:

Đại diện của cơ sở chế biến Responsible person of the processing plant	Chữ ký/Signature	Ngày/Date	Địa điểm/Place

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/Endorsement by the competent authority:

Số xác nhận/Statement No.:

Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xác nhận Public authority	Ký và đóng dấu Signature and seal	Ngày tháng năm Date	Địa điểm Place